



## **PHÂN TÍCH LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM, SỐ 08/2022/QH15**





# PHÂN TÍCH LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM, SỐ 08/2022/QH15

*Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 gồm 07 chương, 157 Điều được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2022 quy định về tổ chức, hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm... và không áp dụng với BHXH, BHYT, bảo hiểm tiền gửi và các loại bảo hiểm khác không mang tính kinh doanh.*

*Dưới đây là những nội dung nổi bật, đáng chú ý của Luật này được LuatVietnam tổng hợp, phân tích:*

## NỘI DUNG CHÍNH

I. Những quy định chung .....	2
1. Phân loại các loại hình bảo hiểm .....	2
2. Các loại bảo hiểm bắt buộc .....	3
3. Hành vi bị cấm trong kinh doanh bảo hiểm .....	3
4. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm .....	3
5. Yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm .....	4
II. Hợp đồng bảo hiểm .....	5
1. Quy định chung về hợp đồng bảo hiểm .....	5
2. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe .....	11
3. Hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại .....	12
III. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam .....	13
1. Giấy phép thành lập và hoạt động .....	13
2. Tổ chức hoạt động .....	18
3. Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro .....	18
4. Hoạt động nghiệp vụ .....	19
5. Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm .....	19

6. Tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính .....	20
7. Khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp .....	20
8. Công khai thông tin .....	21
IV. Đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm ....	22
1. Đại lý bảo hiểm .....	22
2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm .....	22
V. Bảo hiểm vi mô .....	23



## I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Phân loại các loại hình bảo hiểm

Khoản 1 Điều 7 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 quy định có 03 loại hình bảo hiểm, bao gồm:

- Bảo hiểm nhân thọ;
- Bảo hiểm sức khỏe;
- Bảo hiểm phi nhân thọ.

So với trước đây, Luật mới không quy định cụ thể các loại nghiệp vụ bảo hiểm của từng loại hình bảo hiểm mà giao Chính phủ quy định điều này để đảm bảo tính linh hoạt (do trong từng nghiệp vụ bảo hiểm sẽ có các sản phẩm bảo hiểm mang tính đặc trưng của từng nghiệp vụ hoặc có thể kết hợp đặc trưng của nhiều nghiệp vụ).

### 2. Các loại bảo hiểm bắt buộc

Bảo hiểm bắt buộc được định nghĩa là sản phẩm bảo hiểm nhằm mục đích bảo vệ lợi ích công cộng, môi trường và an toàn xã hội (khoản 1 Điều 8 Luật số 08/2022/QH15).

Bảo hiểm bắt buộc bao gồm:

- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;
- Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- Bảo hiểm bắt buộc quy định tại luật khác là sản phẩm bảo hiểm nhằm mục đích bảo vệ lợi ích công cộng, môi trường và an toàn xã hội.

Đề phù hợp với thực tiễn, Luật mới đã bỏ:

- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không đối với hành khách là loại hình bảo hiểm được thực hiện theo Luật Hàng không và thông lệ quốc tế;

- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật và bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm do có rủi ro không ảnh hưởng lớn đến lợi ích công cộng và an toàn xã hội, đây là trách nhiệm tổ chức cá nhân đối với hoạt động tư vấn các bên có thể tự thỏa thuận mức trách nhiệm tùy theo năng lực tài chính.

Đồng thời bổ sung thêm bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng nhằm thống nhất với Luật Xây dựng cũng như bổ sung quy định về các loại bảo hiểm bắt buộc quy định tại luật khác để phù hợp với quy định về bảo hiểm bắt buộc trong từng thời kỳ.

### 3. Hành vi bị cấm trong kinh doanh bảo hiểm

Điều 9 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm gồm:

STT	HÀNH VI BỊ CẤM
1	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm khi không có giấy phép thành lập và hoạt động
2	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm không đúng phạm vi được cấp phép
3	Hoạt động đại lý bảo hiểm, hoạt động dịch vụ phụ trợ bảo hiểm khi không đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật
4	Thực hiện 01 trong các hành vi gian lận: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông đồng với người thụ hưởng để giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm trái pháp luật;</li> <li>• Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm;</li> <li>• Giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin để từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;</li> <li>• Tự gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe của mình để hưởng quyền lợi bảo hiểm.</li> </ul>
5	Đe dọa, cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm

**Trước đây:** Nội dung này chỉ được quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật (áp dụng với hoạt động kinh doanh bảo hiểm cụ thể như đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm) nay đã được Luật hóa.

### 4. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Đây là hệ thống cơ sở dữ liệu mới được Nhà nước đầu tư xây dựng để quản lý dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Theo khoản 2 Điều 11 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có trách nhiệm:

Cung cấp thông tin về bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và thông tin khác có liên quan để xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

## 5. Yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Luật Kinh doanh bảo hiểm mới đã bổ sung quy định về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Cụ thể, Điều 13 Luật này có nêu:

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chủ động thiết lập, duy trì, vận hành hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với quy mô hoạt động và đáp ứng yêu cầu tối thiểu:

- Có hệ thống máy chủ, hệ thống phần mềm, các giải pháp kỹ thuật để cập nhật, thống kê, xử lý, lưu trữ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đáp ứng yêu cầu an ninh mạng, an toàn thông tin mạng;
- Có hệ thống công nghệ thông tin tạo thuận lợi cho việc điều hành, kiểm soát rủi ro của doanh nghiệp và công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý;
- Có giải pháp về công nghệ thông tin để dự phòng thảm họa và bảo đảm không bị gián đoạn hoạt động kinh doanh.

**Trước đây:** Không quy định

## II. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

### 1. Quy định chung về hợp đồng bảo hiểm

#### 1.1. Các loại hợp đồng bảo hiểm

Khoản 1 Điều 15 Luật số 08/2022/QH15 quy định 05 loại hợp đồng bảo hiểm tương ứng với 03 loại hình bảo hiểm gồm:

- Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;
- Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe;
- Hợp đồng bảo hiểm tài sản;
- Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại;
- Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm.

*(Trong đó bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm thuộc loại hình bảo hiểm phi nhân thọ)*

**Lưu ý:** Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận ký 01 loại hợp đồng bảo hiểm hoặc kết hợp nhiều loại hợp đồng bảo hiểm nêu trên nhưng phải phù hợp với loại hình bảo hiểm mà doanh nghiệp được phép kinh doanh:

- Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh bảo hiểm sức khỏe;
- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài kinh doanh các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống;
- Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

**Trước đây:** Chỉ quy định 03 loại hợp đồng bảo hiểm gồm: Hợp đồng bảo hiểm con người; Hợp đồng bảo hiểm tài sản; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

## 1.2. Nội dung của hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm phải có những nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 sau đây:

STT	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	ĐIỂM MỚI SO VỚI TRƯỚC ĐÂY
1	Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng (nếu có), doanh nghiệp bảo hiểm hoặc <b>chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;</b>	<p>Không bắt buộc phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm;</li> <li>• Thời hạn trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường;</li> <li>• Ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng.</li> </ul> <p>Đồng thời bổ sung thêm nội dung về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và bên mua bảo hiểm nhằm làm rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, góp phần đảm bảo quyền lợi cho cả doanh nghiệp và khách hàng;</li> <li>• Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.</li> </ul>
2	Đối tượng bảo hiểm;	
3	Số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài sản được bảo hiểm <b>hoặc giới hạn trách nhiệm bảo hiểm;</b>	
4	Phạm vi <b>hoặc quyền lợi</b> bảo hiểm; <b>quy tắc</b> , điều kiện, điều khoản bảo hiểm;	
5	<b>Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và bên mua bảo hiểm;</b>	
6	Thời hạn bảo hiểm, <b>thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm;</b>	
7	Mức phí bảo hiểm, phương thức đóng phí bảo hiểm;	
8	Phương thức bồi thường, trả tiền bảo hiểm;	
9	Phương thức giải quyết tranh chấp.	



*\* Sẽ có Thông tư hướng dẫn nội dung chi tiết đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm sức khỏe.*

### 1.3. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm (khoản 1 Điều 19 Luật số 08/2022/QH15).

Luật mới đã không quy định điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là nội dung bắt buộc trong hợp đồng bảo hiểm nữa, do vậy, trong trường hợp có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải:

- Quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm;
- Phải giải thích rõ ràng, đầy đủ **và có bằng chứng xác nhận việc bên mua bảo hiểm đã được giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung này khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.**

So với trước đây, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã bỏ sung quy định *doanh nghiệp phải có bằng chứng xác nhận việc bên mua bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung này khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.*

Mục đích là để bảo vệ bên mua bảo hiểm, theo đó, bằng chứng xác nhận có thể là:

Một văn bản riêng, có thể là chữ ký của bên mua bảo hiểm tại Giấy yêu cầu bảo hiểm xác nhận về việc đã được giải thích về hợp đồng bảo hiểm, bao gồm cả điều khoản loại trừ bảo hiểm hoặc có thể là bằng chứng khác để phù hợp cả trong trường hợp giao kết hợp đồng bảo hiểm điện tử.

### 1.4. Trách nhiệm và hậu quả pháp lý do vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin

Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, *doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có trách nhiệm:*

Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm;

*Còn bên mua bảo hiểm có trách nhiệm:*

Cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

**Trường hợp 1:** Bên mua bảo hiểm cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin/thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được bồi thường, trả tiền bảo hiểm thì:

Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có quyền hủy bỏ hợp đồng, không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm nhưng **phải hoàn lại phí bảo hiểm** cho bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí hợp lý (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

Còn **bên mua bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh** cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (nếu có).

**Trước đây:** Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm (không phải hoàn lại phí).

Ngoài ra, trước đây không quy định bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho doanh nghiệp bảo hiểm.

**Trường hợp 2:** Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cố ý không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin/thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì:

Bên mua bảo hiểm có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, được hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng.

Còn doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm (nếu có).

**Trước đây:** Không quy định bên mua được hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng.

### 1.5. Thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm

**Trường hợp 1:** Có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm dẫn đến **giảm** các rủi ro được bảo hiểm

Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thực hiện một trong các nội dung sau đây:

- Giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;
- Tăng số tiền bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;
- Kéo dài thời hạn bảo hiểm;
- Mở rộng phạm vi bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

**Trước đây:** Bên mua bảo hiểm chỉ có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm *giảm phí bảo hiểm* cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

**Trường hợp 2:** Có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm dẫn đến **tăng** các rủi ro được bảo hiểm

Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có quyền thực hiện một trong các nội dung sau đây:

- Tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;
- Giảm số tiền bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;
- Rút ngắn thời hạn bảo hiểm;
- Thu hẹp phạm vi bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

**Trước đây:** Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được *tính lại phí bảo hiểm* cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

### 1.6. Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu

Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu trong trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022:



STT	TRƯỜNG HỢP	ĐIỂM MỚI SO VỚI TRƯỚC ĐÂY
1	Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm;	<p>Liệt kê các trường hợp hợp đồng bảo hiểm vô hiệu thay vì quy định gói gọn các trường hợp khác như trước.</p> <p>Trước đây, hợp đồng bảo hiểm vô hiệu khi thuộc một trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm;</li> <li>• Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm không tồn tại;</li> <li>• Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;</li> <li>• Bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;</li> <li>• <i>Các trường hợp khác</i> theo quy định của pháp luật.</li> </ul>
2	Không có đối tượng bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm;	
3	Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;	
4	Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm giả tạo;	
5	Bên mua bảo hiểm là người chưa thành niên; người mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;	
6	Bên mua bảo hiểm là người chưa thành niên; người mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;	
7	Hợp đồng bảo hiểm được giao kết có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng, trừ trường hợp mục đích giao kết hợp đồng của các bên đã đạt được hoặc các bên có thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn làm cho mục đích của việc giao kết hợp đồng vẫn đạt được;	
8	Hợp đồng bảo hiểm được giao kết do bị lừa dối, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 của Luật này;	
9	Hợp đồng bảo hiểm được giao kết do bị đe dọa, cưỡng ép;	
10	Bên mua bảo hiểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;	

11	Hợp đồng bảo hiểm không tuân thủ quy định về hình thức quy định tại Điều 18 của Luật này.	
----	---	--

### 1.7. Đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và hậu quả pháp lý

Theo Điều 26, Điều 27 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 việc đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài/bên mua bảo hiểm và hậu quả pháp lý được quy định như sau:

TRƯỜNG HỢP	HẬU QUẢ PHÁP LÝ	LƯU Ý
Bên mua bảo hiểm không đóng phí/không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận/sau thời gian gia hạn đóng phí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mua bảo hiểm vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm.</li> <li>* <i>Không áp dụng với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, trừ hợp đồng bảo hiểm nhóm</i></li> <li>- Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trước thời điểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm và có quyền khấu trừ phí bảo hiểm đến thời điểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm</li> <li>- Đối với hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại và hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trước thời điểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm và có quyền khấu trừ phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.</li> </ul>	Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có giá trị hoàn lại, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh	Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có	

<p>ngành bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, bên mua bảo hiểm không chấp nhận yêu cầu về thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm</p>	<p>trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn phí bảo hiểm đã đóng cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;</li> <li>- Bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trước thời điểm đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm.</li> </ul>	
<p>Người được bảo hiểm không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đối tượng bảo hiểm quy định tại khoản 3 Điều 55 của Luật này</p>		<p>Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có giá trị hoàn lại, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>Bên mua bảo hiểm không đồng ý chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm quy định tại khoản 4 Điều 92 của Luật này</p>	<p>Bên mua bảo hiểm được nhận lại giá trị hoàn lại/phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm phù hợp với từng sản phẩm bảo hiểm.</p> <p><i>* Trường hợp giá trị tài sản thấp hơn so với dự phòng nghiệp vụ của danh mục hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao, số tiền bên mua bảo hiểm nhận lại được tính toán trên cơ sở tỷ lệ giữa giá trị tài sản và dự phòng nghiệp vụ của danh mục hợp đồng bảo hiểm được chuyển giao.</i></p>	

**Trước đây:** Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật cũ chỉ quy định 02 trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng gồm:

- Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm;
- Bên mua bảo hiểm không đóng/không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

## 1.8. Thời hạn trả tiền, bồi thường bảo hiểm

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

Nếu không có thỏa thuận thì phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm.

Trường hợp chậm bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo quy định nêu trên thì **phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả**. Lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên theo quy định của Bộ luật Dân sự.

**Trước đây:** Không quy định doanh nghiệp phải trả lãi đối với số tiền bồi thường, tiền bảo hiểm chậm trả.

## 2. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe

### 2.1. Thời gian cân nhắc hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

Đây là quy định mới được bổ sung tại Điều 35 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022, theo đó:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm, **trong thời hạn 21 ngày** kể từ ngày nhận được hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm.

→ Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị hủy bỏ, bên mua bảo hiểm được hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ đi chi phí hợp lý (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

### 2.2. Bảo hiểm tạm thời trong bảo hiểm nhân thọ

Điều 36 Luật mới quy định, doanh nghiệp bảo hiểm cấp bảo hiểm tạm thời cho bên mua bảo hiểm kể từ thời điểm nhận được yêu cầu bảo hiểm và phí bảo hiểm tạm tính của bên mua bảo hiểm.

Thời hạn bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm tạm thời do doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thỏa thuận.

Bảo hiểm tạm thời kết thúc sau khi doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận hoặc từ chối bảo hiểm hoặc trường hợp khác theo thỏa thuận.

**Trước đây:** Không quy định

### 2.3. Đóng phí bảo hiểm nhân thọ

Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bảo hiểm 01 lần hoặc nhiều lần theo thời hạn, phương thức thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp phí bảo hiểm được đóng nhiều lần và bên mua bảo hiểm đã đóng 01 hoặc một số kỳ phí bảo hiểm nhưng không thể đóng được các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì **thời gian gia hạn đóng phí là 60 ngày**.

Có thể thỏa thuận **khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm** đã bị đơn phương chấm dứt do không đóng/không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận hoặc sau thời gian gia hạn đóng phí **trong thời hạn 02 năm** kể từ ngày bị chấm dứt và bên mua bảo hiểm đã đóng số phí bảo hiểm còn thiếu.

## [CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM LƯU Ý]

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng hoặc không đóng đủ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm: Không được tự ý khấu trừ phí bảo hiểm từ giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm khi chưa có sự đồng ý của bên mua bảo hiểm và không được khởi kiện đòi bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với bảo hiểm nhóm.

#### 2.4. Trường hợp không được giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ/sức khỏe

Khoản 1 Điều 39 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định, khi bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho trường hợp chết của người khác thì phải được người đó đồng ý bằng văn bản, trong đó ghi rõ số tiền bảo hiểm và người thụ hưởng.

Theo đó, không được giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho trường hợp chết của những người sau đây:

- Người chưa thành niên, trừ trường hợp cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó đồng ý bằng văn bản;
- Người mất năng lực hành vi dân sự;
- Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

So với trước đây, Luật mới đã bổ sung thêm trường hợp không được giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho trường hợp chết của:

- Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

### 3. Hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại

\* Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại là loại hợp đồng bảo hiểm mới được quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022. Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm thiệt hại là bất kỳ lợi ích kinh tế hoặc nghĩa vụ thực hiện hợp đồng hoặc nghĩa vụ theo pháp luật mà người được bảo hiểm phải gánh chịu khi xảy ra tổn thất.

#### 3.1. Thông báo khi sự kiện bảo hiểm xảy ra

Theo Điều 46 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, bên mua bảo hiểm phải thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khi biết sự kiện bảo hiểm xảy ra theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp bên mua bảo hiểm không thực hiện/chậm thực hiện nghĩa vụ này, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài **có quyền giảm trừ số tiền phải bồi thường bảo hiểm tương ứng với thiệt hại** mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải chịu, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng/trở ngại khách quan.

Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không được áp dụng trên nếu hợp đồng bảo hiểm không có thỏa thuận về trách nhiệm của bên mua bảo hiểm, các biện pháp chế tài trong việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thông báo về sự kiện bảo hiểm.

**Trước đây:** Không quy định

### 3.2. Hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị

Nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị được giao kết do lỗi vô ý của bên mua bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bên cạnh việc chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng với giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra thiệt hại thì còn phải:

**Hoàn lại cho bên mua bảo hiểm số phí bảo hiểm đã đóng tương ứng với số tiền bảo hiểm vượt quá giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng sau khi trừ các chi phí hợp lý (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.**

Đây là điểm mới trong quy định về hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị tại Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022

### 3.3. Hợp đồng bảo hiểm trùng

Khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm mới đã bổ sung thêm tiêu chí xác định hợp đồng bảo hiểm trùng là phải có từ hai hợp đồng bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho *cùng phạm vi, thời hạn và tổng số tiền bảo hiểm vượt quá giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm* ngoài các tiêu chí đã được quy định trước đây.

### 3.4. Giám định tổn thất

Điều 53 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài hoặc người được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ủy quyền thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất.

Chi phí do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chi trả.

Trong trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể thỏa thuận thuê giám định viên độc lập, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm.

Nếu các bên không thỏa thuận được việc thuê giám định viên độc lập thì một trong các bên có quyền yêu cầu: Tòa án có thẩm quyền hoặc **Trọng tài** trung cầu giám định viên độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

**Trước đây:** Chỉ có Tòa án có thẩm quyền chỉ định giám định viên độc lập

## III. DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động

#### 1.1. Điều kiện chung cấp giấy phép thành lập và hoạt động

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được tổ chức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn.

TIÊU CHÍ	ĐIỀU KIỆN
Về cổ đông, thành viên	Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo



góp vốn thành lập	quy định của Luật Doanh nghiệp
	Tổ chức có tư cách pháp nhân, đang hoạt động hợp pháp; trường hợp tham gia góp từ 10% vốn điều lệ trở lên thì phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng các điều kiện về tài chính theo quy định của Chính phủ
	Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm mới phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Luật này
Về vốn	Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ
	Cổ đông, thành viên góp vốn thành lập không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn
Về nhân sự	Có Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán dự kiến đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản lý, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ quy định tại Điều 81 của Luật này.
Về hình thức tổ chức hoạt động	Công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

## 1.2. Điều kiện của thành viên góp vốn thành lập của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn

TIÊU CHÍ	ĐIỀU KIỆN
Đối với tổ chức nước ngoài	Là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, <b>tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài</b>
	Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

	<p>Lĩnh vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thực hiện tại Việt Nam là lĩnh vực mà doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trực tiếp thực hiện hoặc có công ty con thực hiện tối thiểu trong 07 năm liên tục gần nhất</p>
	<p>Có tổng tài sản không thấp hơn 02 tỷ Đô la Mỹ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động</p>
	<p>Cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật này</p>
	<p>Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này có thể ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản này</p>
Đối với tổ chức Việt Nam	<p>Có tổng tài sản không thấp hơn 2.000 tỷ Đồng Việt Nam vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép</p>
<p><i>* Chính phủ quy định cụ thể mức tổng tài sản tối thiểu phù hợp với từng thời kỳ</i></p>	

**Trước đây:** Không quy định điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động đối với tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài.

### 1.3. Điều kiện về cơ cấu cổ đông góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty cổ phần

Có tối thiểu 02 cổ đông là tổ chức và mỗi cổ đông đó đáp ứng điều kiện sau đây:

- Phải góp từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;
- Điều kiện quy định tại mục 1.2 nêu trên.

Chú ý, 01 cổ đông cá nhân không được góp vượt quá 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

**Trước đây:** Không giới hạn tỷ lệ góp vốn đối với cổ đông là cá nhân.- Phải góp từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;

### 1.4. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

Đây là nội dung mới được quy định tại Điều 67 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022. Theo đó, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài khi thành lập chi nhánh tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có trụ sở chính tại quốc gia mà Việt Nam và quốc gia đó đã ký kết các điều ước quốc tế, trong đó có thỏa thuận về thành lập chi nhánh tại Việt Nam; cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận quốc tế với Bộ Tài chính Việt Nam về quản lý, giám sát hoạt động của chi nhánh;
- Được cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính cho phép thành lập chi nhánh tại Việt Nam để hoạt động trong phạm vi các nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp được phép kinh doanh;
- Có ít nhất 07 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thực hiện tại Việt Nam;
- Có tổng tài sản tối thiểu đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 và khoản 3 Điều 65 của Luật này;
- Hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ và đáp ứng các điều kiện về tài chính theo quy định của Chính phủ;
- Cam kết bảo đảm và chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

Đồng thời, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài dự kiến thành lập và hoạt động tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có vốn được cấp bằng Đồng Việt Nam và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ;
- Nguồn vốn thành lập chi nhánh là nguồn hợp pháp, không sử dụng vốn vay hoặc nguồn vốn ủy thác đầu tư dưới bất kỳ hình thức nào;
- Có Giám đốc chi nhánh, Chuyên gia tính toán dự kiến đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản lý, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ quy định tại Điều 81 của Luật này.

Bên cạnh đó, Luật mới cũng đã bổ sung quy định tại Điều 68 khẳng định nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phần, phần vốn góp đến 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo cam kết của Việt Nam tại WTO và các hiệp định thương mại khác trong lĩnh vực dịch vụ bảo hiểm, Việt Nam không hạn chế về tỷ lệ vốn góp của bên nước ngoài.

### 1.5. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động

Luật Kinh doanh bảo hiểm đã bỏ tài liệu về quy tắc, điều khoản, biểu phí tại hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Do đó, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động bao gồm:

- 1 - Văn bản đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
- 2 - Dự thảo điều lệ đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;
- 3 - Phương án hoạt động 05 năm đầu, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, mô hình quản trị rủi ro, phương thức trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;

- 4 - Sơ yếu lý lịch, Phiếu lý lịch tư pháp, bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán;
- 5 - Mức vốn góp và phương thức góp vốn, danh sách những tổ chức, cá nhân sáng lập hoặc thành viên, cổ đông dự kiến góp từ 10% số vốn điều lệ trở lên và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam của các tổ chức, cá nhân đó;
- 6 - Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Chính phủ quy định tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

### 1.6. Công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động

Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố các nội dung của giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp giấy phép.

Đồng thời, ít nhất 30 ngày trước ngày chính thức hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động phải công bố các nội dung của giấy phép và ngày dự kiến chính thức hoạt động trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên báo điện tử của Việt Nam.

**Trước đây:** Chỉ có doanh nghiệp phải công bố nội dung hoạt động kinh doanh và phải công bố trên báo in trong 05 số báo liên tiếp.

### 1.7. Điều kiện trước khi chính thức hoạt động

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải chính thức hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng/trở ngại khách quan.

Đối với trường hợp bất khả kháng/trở ngại khách quan, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc gia hạn thời gian chính thức hoạt động. Thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.

Để chính thức hoạt động doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các quy định sau:

- Chuyển số vốn gửi tại tài khoản phong tỏa thành vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;
- Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với hình thức hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bầu, bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật; bầu, bổ nhiệm các chức danh đã được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc;
- Ban hành các quy chế quản lý nội bộ về tổ chức hoạt động, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro và các quy trình nghiệp vụ cơ bản theo quy định pháp luật;
- Ký quỹ đầy đủ theo quy định của Luật này tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam;

- Có trụ sở, cơ sở vật chất, kỹ thuật, hệ thống công nghệ phù hợp với quy trình nghiệp vụ về kinh doanh bảo hiểm;
- Thực hiện công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật này.

### Lưu ý:

- Phải thông báo cho Bộ Tài chính về việc đáp ứng các điều kiện nêu trên ít nhất 15 ngày trước ngày chính thức hoạt động. Bộ Tài chính có quyền đình chỉ việc chính thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam khi chưa đáp ứng các quy định này.
- Không được tiến hành hoạt động kinh doanh bảo hiểm trước ngày chính thức hoạt động.

### 1.8. Những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo

Bổ sung trường hợp phải được chấp thuận của Bộ Tài chính khi đầu tư ra nước ngoài, bao gồm việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài.

Bỏ yêu cầu phải chấp thuận đối với đóng, mở, thay đổi địa điểm đặt chi nhánh, văn phòng đại diện và thay bằng hình thức thông báo Bộ Tài chính trước khi có thay đổi,.. nhằm cắt giảm thủ tục hành chính.

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau đây:

- Thay đổi điều lệ hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;
- Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;
- Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm kinh doanh;
- Thay đổi các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

**Trước đây:** Yêu cầu phải được Bộ Tài chính chấp thuận đối với đóng, mở, thay đổi địa điểm đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

## 2. Tổ chức hoạt động

Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã bổ sung toàn bộ quy định từ Điều 78 – Điều 83 về:

- Tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm các hiện diện thương mại (trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện,...);
- Cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm;
- Các nguyên tắc phân công, đảm nhiệm chức vụ nhằm tránh kiêm nhiệm nhiều, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của bên mua bảo hiểm.

## 3. Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro

### 3.1. Kiểm toán nội bộ

Điều 85 Luật Kinh doanh bảo hiểm mới quy định, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ.

Còn chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có thể thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ/sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài.

Theo đó, định kỳ hằng năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện kiểm toán nội bộ theo các nội dung sau đây:

- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro;
- Đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;
- Đưa ra kiến nghị sửa chữa, khắc phục sai sót, đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

**Trước đây:** Không quy định kiểm toán nội bộ mà chỉ yêu cầu báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận.

### 3.2. Quản trị rủi ro

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản trị rủi ro nhằm xác định, đo lường, đánh giá, báo cáo và kiểm soát một cách hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

Định kỳ hằng năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm:

- Lập báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro, trong đó đánh giá mức độ đầy đủ của quản trị rủi ro, khả năng thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai với khung thời gian thống nhất với kế hoạch kinh doanh;
- Xác định tổng thể các nguồn lực tài chính cần có để quản lý hoạt động kinh doanh trong khả năng chấp nhận rủi ro và các kế hoạch kinh doanh;
- Kiểm tra sức chịu đựng và phân tích khả năng tiếp tục hoạt động.

**Trước đây:** Không quy định

### 4. Hoạt động nghiệp vụ

Bổ sung toàn bộ các quy định về việc cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động trong việc thiết kế, xây dựng sản phẩm bảo hiểm.

Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phải đăng kí với Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm bắt buộc) nhằm tạo chủ động trong hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

Đồng thời, bổ sung quy định điều kiện trong trường hợp thuê ngoài.

### 5. Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm



Bổ sung thêm trường hợp chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm:

- Theo yêu cầu của Bộ Tài chính nếu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm không đáp ứng yêu cầu về an toàn tài chính;
- Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động;
- Các trường hợp quy định tại các điểm a, d và e khoản 1 Điều 75 của Luật này.

Ngoài ra, còn bổ sung điều kiện chuyển giao theo hướng nếu không đồng ý, bên mua bảo hiểm có quyền chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

## 6. Tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính

### 6.1. Ký quỹ

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải sử dụng một phần vốn điều lệ, vốn được cấp để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam.

Mức tiền ký quỹ bằng 02% vốn điều lệ tối thiểu, vốn được cấp tối thiểu tại thời điểm thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.

**Trước đây:** Phải ký quỹ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép.

### 6.2. Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm

Theo khoản 4, Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm, từ ngày 01/01/2023, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dùng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

Toàn bộ số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm trước đây được Bộ Tài chính quản lý để sử dụng cho mục đích bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc phá sản.

Chính phủ sẽ quy định chi tiết về quản lý và sử dụng số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

### 6.3. Doanh nghiệp bảo hiểm không được kinh doanh bất động sản

Tại khoản 3 Điều 99 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 quy định doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được phép thực hiện các hoạt động đầu tư sau đây:

- Kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp: mua cổ phiếu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng;

Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ; cho thuê trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng;

Nắm giữ bất động sản do xử lý trái phiếu có bảo đảm bằng bất động sản, do đối trừ công nợ phải thu bằng bất động sản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nắm giữ;

- Đầu tư kim khí quý, đá quý;

- Đầu tư tài sản cố định vô hình, trừ trường hợp phục vụ cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm của doanh nghiệp, chi nhánh;

- Đầu tư chứng khoán phái sinh hoặc hợp đồng phái sinh, trừ trường hợp chứng khoán phái sinh niêm yết nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và từ danh mục đầu tư chứng khoán doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đang nắm giữ.

Như vậy, **từ ngày 01/01/2028 các doanh nghiệp bảo hiểm không được thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản**, trừ các trường hợp được pháp luật quy định. Việc quy định như vậy để đảm bảo doanh nghiệp bảo hiểm có đủ khả năng chi trả, đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm.

**Trước đây:** Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi để đầu tư vào kinh doanh bất động sản. Luật trước đây quy định doanh nghiệp bảo hiểm được đầu tư lĩnh vực gì, còn luật năm 2022 quy định doanh nghiệp không được làm gì, còn lại doanh nghiệp được chủ động thực hiện.

### 6.3. Doanh nghiệp bảo hiểm không được kinh doanh bất động sản

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam được chuyển lợi nhuận, tài sản ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định sau đây:

- Chuyển số lợi nhuận còn lại thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã trích lập các quỹ, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn, khả năng thanh toán theo quy định của Luật này;
- Chuyển số tài sản còn lại thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sau khi kết thúc hoạt động tại Việt Nam.

Đây là quy định mới nhằm đề phòng rủi ro doanh nghiệp chuyển lợi nhuận, phá sản, không thực hiện nghĩa vụ.

### 6.4. Chuyển lợi nhuận, tài sản ra nước ngoài

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam được chuyển lợi nhuận, tài sản ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định sau đây:

- Chuyển số lợi nhuận còn lại thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã trích lập các quỹ, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn, khả năng thanh toán theo quy định của Luật này;
- Chuyển số tài sản còn lại thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sau khi kết thúc hoạt động tại Việt Nam.

Đây là quy định mới nhằm đề phòng rủi ro doanh nghiệp chuyển lợi nhuận, phá sản, không thực hiện nghĩa vụ.

## 7. Khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp

Bổ sung quy định về an toàn tài chính, trong trường hợp tỷ lệ an toàn vốn ở mức phải áp dụng biện pháp can thiệp, biện pháp cải thiện sớm, biện pháp kiểm soát, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,....

## 8. Công khai thông tin

Bổ sung yêu cầu:

- Công khai thông tin định kỳ (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo khả năng thanh toán và quản trị rủi ro);
- Công khai thông tin thường xuyên (thông tin về hồ sơ doanh nghiệp, thông tin về hoạt động nghiệp vụ, thông tin về quản trị doanh nghiệp);
- Công khai thông tin bất thường (việc tạm ngừng kinh doanh hoặc bị đình chỉ nội dung hoạt động, thu hồi giấy

phép thành lập và hoạt động; Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, đầu tư ra nước ngoài, thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện...) đồng thời Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể.

## **IV. ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ BẢO HIỂM**

### **1. Đại lý bảo hiểm**

Ngoài các điều kiện như trước đây, Luật mới bổ sung thêm điều kiện đối với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm tại điểm b, d khoản 2 Điều 125 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022:

[...] - Đã đăng ký ngành, nghề kinh doanh hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với các tổ chức hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận khác (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm;

- Điều kiện về nhân sự và điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.

Đồng thời, bổ sung thêm trường hợp không được giao kết, thực hiện hợp đồng đại lý bảo hiểm: Tổ chức là pháp nhân thương mại đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tổ chức đang bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, đang bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn hoặc đang bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến bảo hiểm.

Bên cạnh đó, Luật mới cũng bổ sung quy định về nguyên tắc hoạt động của đại lý; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô trong hoạt động đại lý bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm; chứng chỉ đại lý bảo hiểm...

### **2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm**

#### **2.1. Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm**

Ngoài các điều kiện chung, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm mới:

- Là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài đang trực tiếp thực hiện hoặc có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm trong 05 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
- Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam và xác nhận không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước nơi tổ chức đặt trụ sở chính trong 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

#### **2.2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp môi giới bảo hiểm**

Đơn giản hóa hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Theo đó, hồ sơ được quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Kinh doanh bảo hiểm gồm:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
- Dự thảo điều lệ công ty;
- Phương án hoạt động 05 năm đầu, trong đó nêu rõ các nội dung hoạt động dự kiến triển khai;
- Sơ yếu lý lịch, Phiếu lý lịch tư pháp, bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật;
- Mức vốn góp và phương thức góp vốn, danh sách những tổ chức, cá nhân sáng lập hoặc thành viên, cổ đông dự kiến góp từ 10% vốn điều lệ trở lên và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 133 của Luật này.

### 2.3. Những thay đổi phải thông báo cho Bộ Tài chính

Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có những thay đổi sau đây:

- Thay đổi điều lệ hoạt động;
- Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.

**Trước đây:** Không quy định

## V. BẢO HIỂM VI MÔ

Đáng chú ý, Luật mới đã bổ sung quy định về sản phẩm, tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô để tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bảo hiểm vi mô.

Bảo hiểm vi mô là bảo hiểm hướng tới các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp nhằm bảo vệ họ trước những rủi ro về tính mạng, sức khỏe và tài sản.

Sản phẩm bảo hiểm vi mô có các đặc điểm cơ bản như:

- Thiết kế ngắn gọn, dễ hiểu, có thủ tục thẩm định đơn giản hoặc không cần thẩm định bảo hiểm;
- Quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm vi mô chỉ bao gồm các quyền lợi nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ cơ bản;
- Số tiền bảo hiểm trên từng hợp đồng bảo hiểm vi mô không vượt quá năm (05) lần thu nhập bình quân đầu người hàng năm của chuẩn cận nghèo ở khu vực thành thị theo quy định của Chính phủ.

Các tổ chức được cung cấp sản phẩm bảo hiểm vi mô: Doanh nghiệp bảo hiểm được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam; tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được cấp phép thành lập và hoạt động để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của mình.

### [LƯU Ý VỀ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN]

- Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2023.
- Riêng các quy định sau có hiệu lực từ ngày 01/01/2028:
  - + Lập báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro định kỳ hàng năm (khoản 3 Điều 86);
  - + Xác định vốn thực có, vốn trên cơ sở rủi ro (khoản 4, khoản 5 Điều 94);

- + Tỷ lệ an toàn vốn (Điều 95);
- + Hoạt động không được đầu tư; thực hiện xác định giá trị tài sản đầu tư (khoản 3 và khoản 4 Điều 99);
- + An toàn tài chính (Điều 109);
- + Khả năng thanh toán (Điều 110);
- + Biện pháp cải thiện (Điều 111);
- + Biện pháp can thiệp sớm (Điều 112);
- + Biện pháp kiểm soát (Điều 113);
- + Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp bị áp dụng biện pháp cải thiện, can thiệp sớm, kiểm soát (Điều 114);
- + Phá sản doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (Điều 116).
  - Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày 01/01/2023 và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật này và để áp dụng quy định của Luật này
  - Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31/12/2025.
  - Chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng.

Bên cạnh các nội dung trên đây, Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 cũng sửa đổi, bổ sung nhiều thuật ngữ chuyên ngành và nhiều quy định khác.

## **NỘI DUNG CHI TIẾT VUI LÒNG XEM TOÀN VĂN CỦA VĂN BẢN**

